

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI QUANG MINH HQM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI QUANG MINH HQM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI QUANG MINH HQM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAI QUANG MINH HQM .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301282249

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 141-N26 Khu đô thị Hud Trầu Cau, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0398392256

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                   | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                    | 4610        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                    | 4649        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                    | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                       | 4659        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                   | 4662        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                               | 4663        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                     | 4669        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu               | 8299        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810(Chính) |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                   | 7110        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                        | 7410        |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                | 7710        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                     | 4690        |
| 19. | Vận tải hành khách đường sắt                                                          | 4911        |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                            | 4912        |

Thời gian đăng từ ngày 18/04/2024 đến ngày 18/05/2024

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                | 5221 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                                                               | 5223 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121 |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 33. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 36. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 37. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 38. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 39. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 40. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 42. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 43. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 44. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 45. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 46. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 47. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 49. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 150.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 15.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                  | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VIỆT ANH           | Khu Trần,<br>Phường Hạp<br>Lĩnh, Thành phố<br>Bắc Ninh, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000.0<br>00 | 60.000.000.000           | 40,000       | 0270830016<br>44                                                                                                       |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Tổng số                            | 6.000.0<br>00 | 60.000.000.000           | 40,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>MINH<br>NGUYỆT | Tiêu Sơn, Phường<br>Tương Giang,<br>Thành phố Từ<br>Sơn, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.500.0<br>00 | 45.000.000.000           | 30,000       | 0271910040<br>73                                                                                                       |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                       | Tổng số                            | 4.500.0<br>00 | 45.000.000.000           | 30,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                          |                           |           |                |        |              |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN XUÂN THƯỜNG | Tiêu Sơn, Phường Trương Giang, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 4.500.000 | 45.000.000.000 | 30,000 | 027086003554 |
|   |                    |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                          | Tổng số                   | 4.500.000 | 45.000.000.000 | 30,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN VIỆT ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/11/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027083001644

Ngày cấp: 07/09/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Khu Trần, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Trần, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh